

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADI-SUN®

Kính gửi: Quý Khách Hàng

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ INNOLIFE chuyên phân phối thiết bị điện công nghiệp và dân dụng xin gửi đến Quý Khách Hàng bảng báo giá như sau:

DÂY XÚP DÍNH CADI-SUN®

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 2103:1994/SĐ1:1995
 Quy cách sản phẩm: Cu/PVC
 Điện áp sử dụng: 250V

TT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%) VNĐ/m	Chiều dài đóng gói m
			Dây pha		Trung tính			
			Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK		
1	23225701	VCmD 2x0.3	20	0.14			2,266	100
2	23225702	VCmD 2x0.4	16	0.18			2,628	100
3	23225703	VCmD 2x0.5	20	0.18			3,165	100
4	23225704	VCmD 2x0.6	20	0.20			3,660	100
5	23225705	VCmD 2x0.75	30	0.18			4,343	100
6	23225706	VCmD 2x1.0	40	0.18			5,642	100
7	23225707	VCmD 2x1.0	32	0.20			5,573	100
8	23225708	VCmD 2x1.25	50	0.18			6,924	100
9	23225709	VCmD 2x1.5	48	0.20			7,936	100
10	23225710	VCmD 2x1.5	30	0.25			7,795	100
11	23225711	VCmD 2x1.6	50	0.20			8,283	100
12	23225712	VCmD 2x2.0	65	0.20			10,607	100
13	23225713	VCmD 2x2.5	50	0.25			12,597	100

DÂY ĐƠN MỀM CADI-SUN®

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-3:2000
 Quy cách sản phẩm: Cu/PVC
 Điện áp sử dụng: 300/500V và 450/750V

TT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%) VNĐ/m	Chiều dài đóng gói m
			Dây pha		Trung tính			
			Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK		
Điện áp 300/500V, dùng để lắp đặt bên trong								
1	20215101	VCSF 1x0.5	20	0.18			1,528	200
2	20215102	VCSF 1x0.75	30	0.18			2,124	200
3	20215103	VCSF 1x1.0	40	0.18			2,757	200
4	20215104	VCSF 1x1.0	32	0.20			2,726	200
5	20215105	VCSF 1x1.25	50	0.18			3,401	200
Điện áp 450/750V, dùng để lắp đặt cố định								
6	20215106	VCSF 1x1.5	48	0.20			3,947	100
7	20215107	VCSF 1x1.5	30	0.25			3,877	100
8	20215108	VCSF 1x2.0	65	0.20			5,283	100
9	20215109	VCSF 1x2.5	50	0.25			6,357	100
10	20215110	VCSF 1x3.0	61	0.25			7,657	100
11	20215111	VCSF 1x4.0	50	0.32			10,056	100
12	20215112	VCSF 1x5.0	62	0.32			12,358	100
13	20215113	VCSF 1x6.0	75	0.32			14,847	100

14	20215114	VCSF 1x8.0	64	0.40			19,893	100
15	20215115	VCSF 1x10.0	80	0.40			24,707	100

CÁP ĐỒNG ĐƠN BỌC CÁCH ĐIỆN PVC CADI-SUN®

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935:1995
Quy cách sản phẩm: Cu/PVC
Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

TT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%) VNĐ/m	Chiều dài đồng gói m
			Dây pha		Trung tính			
			Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK		
1	25212101	CV 1x0.75	7	0.37			2,304	100
2	25212102	CV 1x1	7	0.42			2,885	100
3	25212103	CV 1x1.25	7	0.45			3,268	100
4	25212104	CV 1x1.5	7	0.52			4,153	100
5	25212105	CV 1x2	7	0.60			5,348	100
6	25212106	CV 1x2.5	7	0.67			6,531	100
7	25212107	CV 1x3	7	0.75			8,036	100
8	25212108	CV 1x3.5	7	0.80			9,066	100
9	25212109	CV 1x4	7	0.85			10,303	100
10	25212110	CV 1x5	7	0.95			12,718	100
11	25212111	CV 1x5.5	7	1.00			14,016	100
12	25212112	CV 1x6	7	1.05			15,377	100
13	25212113	CV 1x7	7	1.13			17,699	100
14	25212114	CV 1x8	7	1.20			19,863	100
15	25212115	CV 1x10	7	1.35			24,959	100

DÂY 2 RUỘT MỀM BỌC ĐẶC DẠNG ÔVAN CADI-SUN®

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-5:2000
Quy cách sản phẩm: Cu/PVC/PVC
Điện áp sử dụng: 300/500V

TT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%) VNĐ/m	Chiều dài đồng gói m
			Dây pha		Trung tính			
			Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK		
1	20225201	VCTFK 2x0.3	20	0.14			2,775	200
2	20225202	VCTFK 2x0.4	16	0.18			3,131	200
3	20225203	VCTFK 2x0.5	20	0.18			3,689	200
4	20225204	VCTFK 2x0.6	24	0.18			4,094	200
5	20225205	VCTFK 2x0.7	27	0.18			4,491	200
6	20225206	VCTFK 2x0.75	30	0.18			4,897	200
7	20225207	VCTFK 2x1.0	40	0.18			6,238	200
8	20225208	VCTFK 2x1.0	32	0.20			6,167	200
9	20225209	VCTFK 2x1.25	50	0.18			7,558	200
10	20225210	VCTFK 2x1.5	48	0.20			8,749	200
11	20225211	VCTFK 2x1.5	30	0.25			8,602	200
12	20225212	VCTFK 2x1.6	50	0.20			9,107	200
13	20225213	VCTFK 2x2.0	65	0.20			11,499	200
14	20225214	VCTFK 2x2.5	50	0.25			14,014	200
15	20225215	VCTFK 2x3.0	61	0.25			16,727	200
16	20225216	VCTFK 2x3.5	43	0.32			19,010	200
17	20225217	VCTFK 2x4.0	50	0.32			21,610	200
18	20225218	VCTFK 2x5.0	62	0.32			26,428	200
19	20225219	VCTFK 2x5.5	175	0.20			28,931	200
20	20225220	VCTFK 2x5.5	43	0.40			28,567	200
21	20225221	VCTFK 2x6.0	75	0.32			31,725	200
22	20225222	VCTFK 2x6.0	48	0.40			31,716	200
23	20225223	VCTFK 2x8.0	64	0.40			42,130	200
24	20225224	VCTFK 2x10.0	80	0.40			52,587	200

DÂY TRÒN ĐẶC 2 RUỘT CADI-SUN®

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-5:2000
 Quy cách sản phẩm: Cu/PVC/PVC
 Điện áp sử dụng: 300/500V

TT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%) VNĐ/m	Chiều dài đóng gói m
			Dây pha		Trung tính			
			Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK		
1	20225101	VCTF 2x0.5	20	0.18			3,997	200
2	20225102	VCTF 2x0.6	24	0.18			4,437	200
3	20225103	VCTF 2x0.75	30	0.18			5,502	200
4	20225104	VCTF 2x1.0	40	0.18			6,895	200
5	20225105	VCTF 2x1.0	32	0.20			6,826	200
6	20225106	VCTF 2x1.25	50	0.18			8,295	200
7	20225107	VCTF 2x1.5	48	0.20			9,641	200
8	20225108	VCTF 2x1.5	30	0.25			9,430	200
9	20225109	VCTF 2x2.0	65	0.20			12,525	200
10	20225110	VCTF 2x2.5	50	0.25			15,344	200
11	20225111	VCTF 2x3.0	61	0.25			18,216	200
12	20225112	VCTF 2x4.0	50	0.32			23,354	200
13	20225113	VCTF 2x5.0	62	0.32			28,315	200
14	20225114	VCTF 2x6.0	75	0.32			33,635	200

DÂY TRÒN ĐẶC 3 RUỘT CADI-SUN®

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-5:2000
 Quy cách sản phẩm: Cu/PVC/PVC
 Điện áp sử dụng: 300/500V

TT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%) VNĐ/m	Chiều dài đóng gói m
			Dây pha		Trung tính			
			Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK		
1	20235101	VCTF 3x0.5	20	0.18			5,684	200
2	20235102	VCTF 3x0.6	24	0.18			6,302	200
3	20235103	VCTF 3x0.75	30	0.18			7,559	200
4	20235104	VCTF 3x1.0	40	0.18			9,568	200
5	20235105	VCTF 3x1.0	32	0.20			9,480	200
6	20235106	VCTF 3x1.25	50	0.18			11,744	200
7	20235107	VCTF 3x1.5	48	0.20			13,639	200
8	20235108	VCTF 3x1.5	30	0.25			13,388	200
9	20235109	VCTF 3x2.0	65	0.20			17,844	200
10	20235110	VCTF 3x2.5	50	0.25			21,755	200
11	20235111	VCTF 3x3.0	61	0.25			25,958	200
12	20235112	VCTF 3x4.0	50	0.32			33,453	200
13	20235113	VCTF 3x5.0	62	0.32			40,722	200
14	20235114	VCTF 3x6.0	75	0.32			48,510	200

DÂY TRÒN ĐẶC 4 RUỘT CADI-SUN®

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-5:2000
 Quy cách sản phẩm: Cu/PVC/PVC
 Điện áp sử dụng: 300/500V

TT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%) VNĐ/m	Chiều dài đóng gói m
			Dây pha		Trung tính			
			Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK		
1	20245101	VCTF 4x0.5	20	0.18	20	0.18	7,251	200
2	20245102	VCTF 4x0.6	24	0.18	24	0.18	8,090	200
3	20245103	VCTF 4x0.75	30	0.18	30	0.18	9,718	200
4	20245104	VCTF 4x1.0	40	0.18	40	0.18	12,561	200
5	20245105	VCTF 4x1.0	32	0.20	32	0.20	12,443	200
6	20245106	VCTF 4x1.25	50	0.18	50	0.18	15,490	200
7	20245107	VCTF 4x1.5	48	0.20	48	0.20	17,928	200

8	20245108	VCTF 4x1.5	30	0.25	30	0.25	17,555	200
9	20245109	VCTF 4x2.0	65	0.20	65	0.20	23,587	200
10	20245110	VCTF 4x2.5	50	0.25	50	0.25	28,297	200
11	20245111	VCTF 4x3.0	61	0.25	61	0.25	34,042	200
12	20245112	VCTF 4x4.0	50	0.32	50	0.32	43,842	200
13	20245113	VCTF 4x5.0	62	0.32	62	0.32	53,475	200
14	20245114	VCTF 4x6.0	75	0.32	75	0.32	63,821	200

DÂY TRÒN ĐẶC 5 RUỘT CADI-SUN®

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-5:2000
Quy cách sản phẩm: Cu/PVC/PVC
Điện áp sử dụng: 300/500V

TT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%) VNĐ/m	Chiều dài đóng gói m
			Dây pha		Trung tính			
			Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK		
1	20255101	VCTF 5x0.5	20	0.18	20	0.18	9,316	200
2	20255102	VCTF 5x0.6	24	0.18	24	0.18	10,356	200
3	20255103	VCTF 5x0.75	30	0.18	30	0.18	12,458	200
4	20255104	VCTF 5x1.0	40	0.18	40	0.18	15,814	200
5	20255105	VCTF 5x1.0	32	0.20	32	0.20	15,667	200
6	20255106	VCTF 5x1.25	50	0.18	50	0.18	19,559	200
7	20255107	VCTF 5x1.5	48	0.20	48	0.20	22,747	200
8	20255108	VCTF 5x1.5	30	0.25	30	0.25	22,227	200
9	20255109	VCTF 5x2.0	65	0.20	65	0.20	29,783	200
10	20255110	VCTF 5x2.5	50	0.25	50	0.25	35,969	200
11	20255111	VCTF 5x3.0	61	0.25	61	0.25	42,985	200
12	20255112	VCTF 5x4.0	50	0.32	50	0.32	55,502	200
13	20255113	VCTF 5x5.0	62	0.32	62	0.32	67,653	200
14	20255114	VCTF 5x6.0	75	0.32	75	0.32	80,661	200

DÂY ĐƠN CỨNG CADI-SUN®

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-3:2000
Quy cách sản phẩm: Cu/PVC
Điện áp sử dụng: 450/750V

TT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%) VNĐ/m	Chiều dài đóng gói m
			Dây pha		Trung tính			
			Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK		
1	20211101	VCSH 1x0.5	1	0.80			1,464	200
2	20211102	VCSH 1x0.75	1	0.98			2,020	200
3	20211103	VCSH 1x0.8	1	1.00			2,096	200
4	20211104	VCSH 1x1.0	1	1.20			2,926	200
5	20211105	VCSH 1x1.5	1	1.38			3,729	200
6	20211106	VCSH 1x2.5	1	1.75			5,912	200
7	20211107	VCSH 1x3.0	1	2.00			7,632	200
8	20211108	VCSH 1x4.0	1	2.25			9,484	200
9	20211109	VCSH 1x6.0	1	2.78			14,306	100
10	20211110	VCSH 1x7.0	1	3.00			16,599	100
11	20211111	VCSF 1x8.0	1	3.19			18,890	100
12	20211112	VCSH 1x10.0	1	3.70			25,235	100

DÂY 2 RUỘT CỨNG BỌC ĐẶC DẠNG ÔVAN CADI-SUN®

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-4:2000
Quy cách sản phẩm: Cu/PVC/PVC
Điện áp sử dụng: 300/500V

TT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%) VNĐ/m	Chiều dài đóng gói m
			Dây pha		Trung tính			
			Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK		
1	20221201	VCTHK 2x0.5	1	0.80			4,002	200

2	20221202	VCTHK 2x0.75	1	0.98			5,153	200
3	20221203	VCTHK 2x0.8	1	1.00			5,313	200
4	20221204	VCTHK 2x1.0	1	1.20			7,055	200
5	20221205	VCTHK 2x1.5	1	1.38			8,712	200
6	20221206	VCTHK 2x2.5	1	1.75			13,325	200
7	20221207	VCTHK 2x3.0	1	2.00			16,881	200
8	20221208	VCTHK 2x4.0	1	2.25			20,886	200
9	20221209	VCTHK 2x6.0	1	2.78			30,870	200
10	20221210	VCTHK 2x7.0	1	3.00			35,610	200
11	20221211	VCTHK 2x8.0	1	3.19			40,531	200
12	20221212	VCTHK 2x10.0	1	3.70			54,034	200

Ghi chú:

- Bảng giá áp dụng từ tháng 4 năm 2010 cho đến khi có thông báo mới
- Hàng gia tại Kho bên mua Nội Thành Hà Nội
- Trường hợp giá nguyên liệu trên thị trường biến động ($\pm 3\%$) chúng tôi sẽ có sự điều chỉnh kịp thời.
- Các sản phẩm không có trong bảng giá xin vui lòng liên hệ trực tiếp với chúng tôi
- Đường dây nóng chăm sóc khách hàng **04. 39912756**

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2010
THAY MẶT CÔNG TY INNOLIFE



[Handwritten signature]
 GIÁM ĐỐC
Đỗ Hải Hiệp